TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY GIANG** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 25/ 9 /2024
"V/v Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY GIANG TỈNH QUẢNG NAM
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bhling Biên
2. Ông Nguyễn Tâm Hiếu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bơ nước Rè - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang tham gia phiên tòa: Bà ALăng Thị Tơ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST - HN ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc " *Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung và nợ chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Ríah Thị N - Sinh năm 1993
Nơi thường trú: thôn Az, xã Bh, huyện TG, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2. Bị đơn: Anh BLing ATr - Sinh năm 1991
Nơi thường trú: thôn Az, xã Bh, huyện TG, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã Bh, huyện TG; địa chỉ thôn A, xã Bh, huyện TG, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bríu Thị L - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã Bh, huyện TG (*theo văn bản ủy quyền số 01 /GUQ- UB ngày 28/8/2024*), vắng mặt có lý do.

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Đại diện theo ủy quyền Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu H; Chức vụ: Phó giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang (*theo văn bản ủy quyền số 05 /GUQ- NH ngày 28/8/2024*), vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/8/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ríah Thị N trình bày:*

Chị Ríah Thị N và anh BLing ATr đến với nhau qua mai mối của gia đình, trải qua một thời gian tìm hiểu, đến giữa năm 2009 thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn lý do cả hai chưa đủ tuổi, sau một thời gian chung sống vợ chồng đến Ủy ban nhân dân xã Bh, huyện TG, tỉnh Quảng Nam làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2009 ngày 28/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh ATr hay ghen tuông nghi ngờ chị ngoại tình với người đàn ông khác ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian chị N đi làm công nhân, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị N yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị N và anh ATr, vì tại thời điểm đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2009 thì cả chị N và anh Atr đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh ATr có 02 người con chung tên Bling Thị Ng, sinh ngày 30/4/2010 và Bling D, sinh ngày 03/12/2013, để đảm bảo cả hai con chung được chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập ổn định chị N có nguyện vọng giao cho anh Bling ATr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cháu Ng và cháu D đến tuổi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh ATr tự thỏa thuận không yểu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng chị còn nợ chung tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang là 6.000.000 đồng của khoản vay ngày 21/12/2020, tại buổi hòa giải ngày 06/9/2024 vợ chồng chị đã thỏa thuận mỗi người trả một nửa số nợ trên, ngày 21/9/2024 chị N đã trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang là 3.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng tiền gốc và lãi anh ATr phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay.

Ngoài yêu cầu trên, chị Ríah Thị N không có yêu cầu gì khác.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh BlingATr trình bày:*

Điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị Ríah Thị N với anh Bling ATr đúng như chị N đã trình bày, anh đồng ý với yêu cầu của chị N về yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh với chị N vì mâu thuẫn quá trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn và níu kéo được.

Về con chung: anh ATr và chị N có 02 người con chung tên Bling Thị Ng, sinh ngày 30/4/2010 và Bling D, sinh ngày 03/12/2013 anh Bling ATr có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cháu Ng và cháu D đến tuổi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh ATr và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh ATr trình bày vợ chồng anh còn nợ chung tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang là 6.000.000 đồng của khoản vay ngày 21/12/2020, ngày 06/9/2024 tại buổi hòa giải vợ chồng anh đã tự thỏa thuận mỗi người trả một nửa cho Ngân hàng, ngày 21/9/2024 chị N đã trả cho Ngân hàng là 3.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng tiền gốc và lãi hiện nay anh đang gặp khó khăn, hơn nữa khoản nợ chưa đến hạn nên anh xin trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay.

** Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy của người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Bh, huyện TG bà Bríu Thị L trình bày:*

Ngày 28/12/2009 UBND xã Bh đăng ký kết hôn cho vợ chồng anh Bling ATr, sinh ngày 01/01/1991 và chị Ríah Thị N, sinh ngày 01/01/1993. Tại thời điểm đăng ký kết hôn thì anh ATr mới 18 tuổi 11 tháng 27 ngày; chị N mới 16 tuổi 11 tháng 27 ngày là cả hai người chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, việc UBND xã Bh thực hiện đăng ký kết hôn cho anh ATr, chị N và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2009 ngày 28/12/2009 cho anh ATr, chị N là chưa đúng theo quy định của pháp luật, nguyên nhân do sai sót của cán bộ chuyên môn Tư pháp xã tính nhầm tuổi của hai vợ chồng. UBND xã Bh xin nhận sai sót nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh ATr, chị N.

Người đại diện theo ủy quyền của Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ngày 21/12/2020 Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang đã giải ngân cho anh Bling ATr vay số tiền 20.000.000 đồng, cho vay hộ dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, lãi suất 6,6%/năm, khoản vay trên do anh Bling ATr đứng tên người vay, người thừa kế chị Ríah Thị N, quan hệ với người vay là vợ, nay anh chị ly hôn quan điểm của Ngân hàng đây là khoản nợ chung nên thống nhất với quan điểm của chị N là chia đôi trách nhiệm trả nợ của khoản vay mà anh chị còn nợ 6.000.000 đồng, chị N và

anh Atr mỗi người có trách nhiệm trả 3.000.000 đồng. Ngày 21/9/2024 chị N đã trả 3.000.000 đồng nên không đề cập đến, còn lại 3.000.000 đồng phần của anh ATr Ngân hàng chuyển khoản trả gốc từ tài khoản tiết kiệm của anh ATr với số tiền là 400.000 đồng, hiện nay còn nợ Ngân hàng chính sách huyện Tây Giang là 2.600.000 đồng, Ngân hàng tiếp tục cho anh ATr thực hiện việc trả nợ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh đúng theo thỏa thuận đã ký kết trong sổ vay vốn.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016:

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Ríah Thị N và anh BLing ATr.

Về con chung*:* Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Ríah Thị N và anh BLing ATr về việc nuôi con. Giao hai con chung cháu Bling Thị Ng, sinh ngày 30/4/2010 và Bling D, sinh ngày 03/12/2013 cho anh Bling ATr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cháu Ng và cháu D đến tuổi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Chị N và anh ATr tự thỏa thuận không yểu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh ATr và chị N mỗi người trả một nửa cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang.

Về án phí: chị Ríah Thị N và anh BLing ATr là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho chị N, anh ATr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được, xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về hủy kết hôn trái pháp luật, nuôi con chung, nợ chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã Bh bà Bríu Thị L và người đại diện theo ủy quyền của Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang ông Nguyễn Hữu H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Tây Giang xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của chị N đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật với anh ATr: Xét thấy chị N và anh ATr kết hôn ngày 28/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Bh, huyện TG trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn chị N mới 16 tuổi 11 tháng 27 ngày, anh ATr mới 18 tuổi 11 tháng 27 ngày, cả hai người chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chưa đủ điều kiện kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn và gia đình nhân năm 2014. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Ríah Thị N và anh Bling ATr.

[3] Về con chung: Chị N và anh ATr có 02 người con chung cháu Bling Thị Ng, sinh ngày 30/4/2010 và Bling D, sinh ngày 03/12/2013, tại phiên hòa giải ngày 06/9/2024 anh ATr có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cháu Ng và cháu D đến tuổi trưởng thành, chị N hoàn toàn đồng ý với yêu cầu của anh ATr, các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh ATr. Giao cháu Bling Thị Ng và cháu Bling D cho anh ATr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ngày 21/12/2020 vợ chồng anh ATr, chị N có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang với số tiền là 20.000.000 đồng, đã trả

được 14.000.000 đồng, còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang là 6.000.000 đồng, tại phiên hòa giải ngày 06/9/2024 anh Atr và chị N thống nhất chia đôi nghĩa vụ trả nợ, chị Nây và anh Atr mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 3.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn. Tuy chưa đến hạn trả nợ nhưng chị N và Ngân hàng thống nhất ngày 21/9/2024 chị N trả 3.000.000 đồng tiền gốc cho Ngân hàng. Xét thấy, việc chị N tự nguyện trả nợ trước hạn cho Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý, phù hợp với quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, anh Bling Atr phải trả 3.000.000 đồng Ngân hàng đã chuyển khoản trả gốc từ tài khoản tiết kiệm của anh Atr với số tiền là 400.000 đồng, hiện nay còn nợ 2.600.000 đồng, Ngân hàng tiếp tục cho anh Atr thực hiện việc trả nợ gốc và lãi phát sinh đúng theo thỏa thuận đã ký kết trong sổ vay vốn.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Ríah Thị N và anh BLing Atr là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí; Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N, anh Atr được xét miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 228; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 15, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 470 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ríah Thị N.

1.1.Về hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Ríah Thị N và anh Bling ATr, theo sổ đăng ký kết hôn số 08 ngày 28/12/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Bh, huyện TG, tỉnh Quảng Nam, hai bên phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

1.2.Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Ríah Thị N và anh Bling ATr về việc nuôi con:

Giao hai con chung cháu Bling Thị Ng, sinh ngày 30/4/2010 và Bling D, sinh ngày 03/12/2013 cho anh Bling ATr trực tiếp nuôi dưỡng;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3.Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4.Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

1.5.Về nợ chung: Ghi nhận chị Ríah Thị N đã trả 3.000.000 đồng tiền gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang.

Anh Bling ATr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tây Giang số tiền 2.600.000 *(Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) của khoản vay ngày 21/12/2020 và tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn.

Trường hợp bản án được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.Về án phí*:* Chị Ríah Thị N và anh Bling ATr được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/9/2024), Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tây Giang;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS huyện Tây Giang;
- UBND xã Bh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hân